22

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1147 /QĐ-UBND	*Vĩnh Cửu, ngày 17 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật
Công trình: Đường Lò Than, xã Trị An
Địa điểm: Xã Trị An - huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bốc khối lượng công trình.

Căn cứ Thông tư 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Căn cứ Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư; thẩm quyền, trình tự thẩm định dự án đầu tư; thẩm quyền phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về phần lắp đặt hệ thống công trình tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về đơn giá khảo sát xây dựng công trình tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-SXD ngày 14/10/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố đơn giá nhân công; đơn giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Vĩnh Cửu về việc Quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (lần 3);

Căn cứ Quyết định số 12420/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Vĩnh Cửu về việc Quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (lần 3);

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật do Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và Xây Dựng Nam Thịnh Phát lập, Báo cáo thẩm tra của Công ty TNHH Tư Vấn Khảo Sát Sen Việt về việc báo báo kết quả thẩm tra bản vẽ thi công - dự toán công trình;

Trên cơ sở Thông báo số 12/TB-KT&HT ngày 16/3/2022 của Phòng Kinh tế & Hạ tầng về việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường Lò Than, xã Trị An;

Xét Tờ trình số 54/TTr-TCKH ngày 16/3/2022 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật công trình Đường Lò Than, xã Trị An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật công trình Đường Lò Than, xã Trị An với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường Lò Than, xã Trị An.

2. Tên chủ đầu tư: UBND Xã Trị An.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Đường Lò Than, xã Trị An, là một trong những quyết sách quan trọng không những tạo điều kiện đi lại tốt hơn mà còn thúc đẩy nền kinh tế của địa phương ngày càng phát triển.

- Đẩy nhanh mục tiêu xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trong khu vực nhằm giải quyết điều kiện giao thông, môi trường cho khu vực.

- Tạo điều kiện xây dựng các công trình theo quy hoạch được duyệt. Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Ngoài các mục tiêu trên, công tác khảo sát để phục vụ cho việc thiết kế nhằm xây dựng hệ thống giao thông, tạo điều kiện cho công tác quản lý thuận lợi.

4. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu:

Phạm vi, quy mô dự án:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;

- Cấp kỹ thuật: Đường giao thông nông thôn cấp B;

- Cấp công trình: Đường giao thông cấp IV (theo thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng);

- Đường Lò Than, xã Trị An có điểm đầu tuyến giao đường Hóc Lai, điểm cuối giao với đường bê tông xi măng hiện hữu. Chiều dài tuyến 352,39m, vận tốc thiết kế Vtk=20km/h, mặtđường bê tông xi măng, tải trọng thiết kế 2,5T/trục.

- Các hạng mục đầu tư: Nâng cấp, sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước.

Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Giải pháp thiết kế bình đồ:

- Tuyến đường thiết kế trên cơ sở bám theo tim đường hiện hữu để hạn chế tối đa việc di dời giải tỏa.

- Giữ nguyên trạng hướng tuyến

- Các vị trí giao với các đường hiện hữu hoặc giao theo quy hoạch thì thiết kế nút giao với bán kính rẽ phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Giải pháp thiết kế trắc dọc:

- Thiết kế trắc dọc bám theo cao độ mặt đường hiện hữu. Căn cứ vào cao độ mặt đường hiện hữu tính toán cao độ mặt đường đảm bảo chiều dày lớp kết cấu áo đường và khối lượng đào đắp nhỏ nhất hướng tới mục tiêu giảm kinh phí đầu tư xây dựng tuyến đường

c) Giải pháp thiết kế trắc ngang:

- Quy mô Mặt cắt ngang:

+ Phần xe chạy : = 5,00m ;

+ Lề đất : 2 x 0,75 = 1,50m.

Tổng cộng : = 6,50m.

- Độ dốc mặt đường : i=2%; Độ dốc ngang lề : i=4%

d) Giải pháp thiết kế nền đường:

- Đối với nền đường đào: Đào nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn K > 0,95.

- Đối với nền đường đắp: Cào bóc lớp hữu cơ dày trung bình 10cm, đắp đất cấp 3 chọn lọc, lu lèn K > 0,95.

e) Thiết kế kết cấu áo đường:

- Thiết kế mặt đường bê tông xi măng đá 1x2 M250, tải trọng trục P=2,5T. Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:

+ Lớp mặt đường BTXM đá 1x2 M250, chiều dày 16cm;

+ Lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm;

- Lề đường: đắp đất chọn lọc, đầm chặt K≥0,95

f) Giải pháp thiết kế sơn kẻ đường - Biển báo:

- Thiết kế biển báo tại các vị trí Đầu dự án, cuối dự án, các vị trí giao nhau với đường nhánh theo QCVN41:2019/BGTVT (chi tiết thể hiện trên bản vẽ thiết kế kèm theo).

g) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Thiết kế thoát nước dọc bằng mương đất tại các vị trí nền đường đào và đắp thấp kết hợp thoát nước theo địa hình tự nhiên.

- Thoát nước ngang: Trên tuyến có 2 vị trí đã có mương hiện hữu do người dân tự lắp đặt, đã xuống cấp không đảm bảo thoát nước:

+ Tại Km0+52,78 hiện hữu cống tròn 3*Φ800: Phá dỡ, thiết kế mới cống tròn chịu lực 3*Φ1000; L=7,5m.

+ Tại Km0+383,14 hiện hữu cống tròn Φ1000: Phá dỡ, thiết kế mới cống tròn chịu lực Φ1000; L=7,5m.

h) Hệ thống điện chiếu sáng: Tuyến đường lắp trụ đèn, cần đèn, bóng đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời 100W.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

6. Loại công trình: Công trình Giao thông.

7. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **1.952.229.000 đồng,** *(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	1.586.032.964 đồng;
- Chi phí thiết bị	:	0 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	43.822.090 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	144.183.456 đồng;
- Chi phí khác	:	23.627.742 đồng;

- Chi phí dự phòng : 154.563.401 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nhân dân đóng góp.

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh 40% chi phí xây lắp : 634.413.186 đồng;
- Ngân sách huyện 40% và các chi phí khác : 1.000.609.875 đồng;
- Nhân dân đóng góp 20% chi phí xây lắp : 317.206.593 đồng.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc thuê đơn vị quản lý dự án có đủ năng lực theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/NĐ-CP.

10. Thời gian thực hiện: Dự kiến thực hiện từ năm 2021 (tối đa không quá 3 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án).

11. Các vấn đề cần lưu ý đối với chủ đầu tư:

- Đối với các công việc sử dụng mã hiệu tạm tính, chủ đầu tư có trách nhiệm lập định mức hoặc vận dụng định mức của công trình tương tự đã được duyệt để xác định đơn gía xây dựng. Trường hợp áp dụng định mức xây dựng mới để lập đơn giá cho gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

- Trong quá trình triển khai thi công công trình đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong các hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, báo cáo khảo sát địa hình, báo cáo kết quả thẩm tra, chất lượng xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Vĩnh Cửu, Chủ tịch UBND xã Trị An, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thi hành);
- CT, PCT.UBND huyện;
- C,PVP. HĐND- UBND huyện;
- Lưu VT – CVKT (A.Cường).

(D:2021/TCKH/BCKTKT/QĐ)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Phương



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1147 /QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

STT	Tên hạng mục	Vốn đầu tư (đồng)
	Tổng mức vốn đầu tư làm tròn (I+II+III+IV+V)	**1.952.229.000**
I	**Chi phí xây dựng**	**1.586.032.964**
II	**Chi phí thiết bị**	**0**
III	**Chi phí quản lý dự án**	**43.822.090**
IV	**Chi phí TV ĐTXD**	**144.183.456**
1	Chi phí khảo sát	40.378.105
2	Chi phí giám sát khảo sát	1.644.196
3	Chi phí lập Báo cáo KTKT	39.650.824
4	Chi phí Thẩm tra TKXD	3.235.507
5	Chi phí Thẩm tra DT	3.159.378
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	2.469.454
7	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp	3.018.221
8	Chi phí đánh giá hồ sơ mời thầu	1000.000
9	Chi phí thẩm định KQ LCNT thi công xây dựng	1.000.000
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	40.697.606
11	Chi phí ATGT	7.930.165
IV	**Chi phí khác**	**23.627.742**
1	Chi phí bảo hiểm công trình	4.282.289
2	Chi phí thẩm định BC KTKT	959.233
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	10.246.698
4	Chi phí thẩm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng	8.139.522
V	**Dự phòng phí**	**154.563.401**
1	Dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh	89.883.313
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	64.680.088

